

Bản án số: **260** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Ngô Thị Thơm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 2000.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị H, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/4/2020 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa

phương. Sau khi kết hôn chị chuyển về nhà anh T sinh sống cùng gia đình chồng tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Do trong cuộc sống giữa chị và nhà anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn nên để níu kéo hạnh phúc gia đình, anh T chuyển về sinh sống cùng gia đình chị tại xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Anh T làm công ty được một thời gian thì do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng thống nhất để anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian này chị chuyển về nhà anh T để đi làm và sinh sống thì bố anh T đã có hành vi xâm hại danh dự nhân phẩm của chị và bị Tòa án huyện T, tỉnh Bắc Ninh xét xử về tội “Hiếp dâm” nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, thành phố H để sinh sống. Khi xảy ra sự việc trên anh T cũng không về nước để giải quyết, xác định thời gian vợ chồng xa nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T nhiều lời lẽ xúc phạm nên giữa vợ chồng đã không còn liên lạc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể níu kéo nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Thị Minh T1, sinh ngày 24/4/2020, hiện nay đang do chị chăm sóc. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Trần Thị H1 (là mẹ đẻ của anh Vũ Văn T) trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh T như chị H trình bày là đúng. Anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Anh T đã biết việc chị H có đơn xin ly hôn, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H và đồng ý để chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Minh T1, sinh ngày 24/4/2020, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung, anh T nhất trí. Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đang đi làm ở Đài Loan, các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh T, bà sẽ nhận thay và cam kết giao lại, thông báo cho anh T được biết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Vũ Văn T; Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Minh T1, sinh ngày 24/4/2020 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con

chung. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Vũ Văn T. Anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị H và gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng chị H không cung cấp được. Thông qua gia đình xác định anh T có liên lạc về gia đình, gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn T do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/4/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và gia đình anh T nhiều lần nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không còn quan tâm đến nhau, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T và có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình, anh T xác định nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có 01 con chung Vũ Thị Minh T1, sinh ngày 24/4/2020, hiện đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quan điểm nhất trí. Xét thấy, cháu T1 còn nhỏ đang có cuộc sống ổn định cùng với chị H. Do đó, cần

tiếp tục giao cháu T1 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Minh T1, sinh ngày 24/4/2020 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000436 ngày 29/01/2024 (chị H đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

